

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT “PHI CHUẨN” CỦA GIỚI TRẺ HIỆN NAY NHÌN TỪ GÓC ĐỘ NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI “NON-STANDARD” VIETNAMESE OF THE YOUTH FROM VIEWPOINT OF SOCIOLINGUISTICS

NGUYỄN VĂN HIỆP

(GS.TS; Viện Ngôn ngữ học)

ĐINH THỊ HẰNG

(ThS; Viện Ngôn ngữ học)

Abstract: This article deals with non-standard variants of language among teenagers nowadays and their impact on the so-called pureness of Vietnamese. The authors give a total picture of how teenagers language is different with standard language in terms of slang, code-mixing and code-switching, borrowing and symbols used in daily communication. The authors also make a survey on this phenomenon and come to suggest some solutions to protect Vietnamese language in process of globalization.

Key words: non-standard Vietnamese; social dialectology; pureness of language; teenager; slang; code-mixing; code-switching; borrowing.

1. Dẫn nhập

Ngôn ngữ giới trẻ là một hiện tượng phổ biến trong xã hội, không mang tính cá biệt đối với giới trẻ của bất kì nước nào. Điều này được thể hiện rõ trên các diễn đàn, blog cá nhân, nơi giới trẻ chia sẻ, bộc lộ cảm xúc của mình.

Trên thế giới, ngôn ngữ giới trẻ được coi là một dạng tiếng lóng mà một bộ phận thanh thiếu niên sử dụng. Tuy nhiên, xung quanh vấn đề về loại tiếng lóng này cũng có nhiều luồng ý kiến khác nhau. Trong bài viết "Standard English in decline among teenagers" (Tiếng Anh chuẩn biến đổi trong tầng lớp thanh thiếu niên), Graeme Paton (2008) đề cập đến vấn đề nhiều người Anh lo ngại rằng việc sử dụng các trang mạng xã hội và tin nhắn điện thoại đang phá hủy kĩ năng đọc của trẻ. Graeme Paton cũng dẫn ra nghiên cứu mới nhất của Đại học Cambridge khi khảo sát hơn 2000 thanh thiếu niên tại 26 trường trung học Anh. Nghiên cứu này đưa ra các

cụm từ khác nhau và yêu cầu người sử dụng đánh dấu những cụm từ không đúng tiêu chuẩn. Kết quả nghiên cứu này cho thấy một nửa số thanh thiếu niên không nhận ra sự khác biệt giữa ngữ pháp tiếng Anh chuẩn và ngôn ngữ thông tục. Beth Black - tác giả của nghiên cứu mới này nhận định: "Có thể những hình thức tiếng Anh phi chuẩn, ít được công nhận sẽ tìm đường vào tiếng Anh chuẩn, đặc biệt đưa ra quan điểm rằng thanh thiếu niên là những người sáng tạo ngôn ngữ và mang lại những sự thay đổi trong phương ngữ chuẩn". Tác giả bài báo cũng dẫn ra ý kiến của Ian Mc Neilly đến từ Hiệp hội quốc gia giảng dạy tiếng Anh: "Đối với rất nhiều người - không chỉ những người trẻ tuổi - ngôn ngữ hàng ngày của họ là tiếng Anh trong môi trường mới - nơi các cấu trúc phi văn phạm được chấp nhận hơn. Điều này chắc chắn sẽ kéo theo sự suy giảm của các cấu trúc tiêu chuẩn" [12].

David Crystal, nhà ngôn ngữ học thuộc Đại học Reading, khác với nhiều người cho rằng

tiếng lóng chỉ có ý nghĩa tiêu cực, ông lại chỉ coi nó như là thứ ngôn ngữ "không chính thức, không đạt tiêu chuẩn từ vựng" hay là "biệt ngữ của một nhóm đặc biệt" và nó chỉ là cách để giới trẻ tách mình khỏi những người lớn tuổi hơn, đồng thời nó cũng thể hiện sự đoàn kết, thống nhất với những người cùng nhóm [9].

Vanessa Barford, trong một bài viết có tiêu đề "Mind your slanguage" đăng trên BBC News đặt ra vấn đề rằng nếu việc cấm tiếng lóng không phải là giải pháp tốt thì hãy tìm ra "chìa khóa" để hiểu nó tốt hơn - và điều này cũng đã được thực hiện tại một trường đại học ở phía nam London, thông qua việc đưa tiếng lóng vào các giáo trình. Những người giảng dạy, nghiên cứu đi vào phân tích ngôn ngữ, suy nghĩ về vai trò hoạt động của nó trong các cuộc trò chuyện, các dạng kết hợp của nó để có thể nhận dạng, tìm hiểu mối quan hệ giữa tiếng lóng với các giá trị của nền văn hóa hướng đến việc giảng dạy cho người nước ngoài. Nói như Zephaniah, chúng ta nên học cách sử dụng tiếng lóng cho phù hợp bởi vì cho dù thích hay không, cách chúng ta nói chuyện cũng sẽ ảnh hưởng đến cách mọi người nhìn chúng ta và điều này có thể dẫn đến những hệ quả rất nghiêm trọng; "Tiếng lóng cũng như võ thuật. Vì vậy, miễn là bạn có nền tảng vững chắc, bạn có thể tự do ứng biến"... [18].

Trước thực trạng như vậy, tiếng lóng của tầng lớp thanh thiếu niên cũng thu hút được sự quan tâm nhất định từ các nhà nghiên cứu. Các nghiên cứu thường tập trung vào một số nội dung như: (1) Phân tích, mô tả các biến thể mà giới trẻ thường sử dụng trong giao tiếp, (2) So sánh ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết của thanh thiếu niên, (3) Sự khác biệt của ngôn ngữ giới trẻ với ngôn ngữ chuẩn về mặt từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và cả ngữ dụng, (4) Mối quan hệ/ sự tác động giữa các biến thể ngôn ngữ giới trẻ với các nhân tố xã hội,...

Ở Việt Nam, ngôn ngữ mà giới trẻ hiện đang sử dụng được gọi bằng nhiều cái tên khác nhau, tùy thuộc vào sự nhấn mạnh một

nhân tố nào đó liên quan đến loại ngôn ngữ này. Chẳng hạn, căn cứ vào đối tượng sử dụng, có các cách định danh như: *ngôn ngữ giới trẻ*, *ngôn ngữ 9X*, *ngôn ngữ teen*, *ngôn ngữ tuổi teen*, *tiếng lóng tuổi teen*; căn cứ vào phương tiện sử dụng (máy tính và internet), có các cách gọi tên khác, như: *ngôn ngữ "a còng" (@)*, *ngôn ngữ chat*, *ngôn ngữ mạng*; căn cứ vào ý nghĩa của việc sử dụng, lại có cách đặt tên khác là *ngôn ngữ "sành điệu"*. Một sự thực không thể không thấy, đó là loại ngôn ngữ này là một thứ tiếng lóng, được sử dụng rộng rãi trong giới trẻ các thế hệ 8X, 9 X và có thể là cả thế hệ 10X tới đây.

Trước sự phổ biến của ngôn ngữ giới trẻ, có nhiều luồng ý kiến trái chiều khác nhau, song có thể quy thành 3 nhóm: (1) Nhóm tán đồng, (2) Nhóm lên án và (3) Nhóm nhìn nhận với thái độ dung hòa.

Những người đồng tình, ủng hộ thì cho rằng ngôn ngữ giới trẻ *độc đáo, mới lạ, sáng tạo, đa dạng, dễ thương, đáng yêu, gần gũi,...* Ngôn ngữ này thể hiện sự *trẻ trung, năng động, nhí nhảnh, vui tươi, phong cách, cá tính,...* Nó có thể giúp *xả stress, tiết kiệm kí tự, thời gian và công sức* nhắn.

Nhóm những người lên án việc sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ hiện nay cho rằng đó là thứ ngôn ngữ *kì dị/ kì quặc/ quái dị, biến dạng, méo mó, lai căng, hỗn tạp, vô nguyên tắc/ vô tội vạ, không phù hợp với sắc thái tiếng Việt...* Họ lo ngại ngôn ngữ *bị rối loạn, tiếng Việt đang mất đi, tiếng Việt bị thoái hóa,...* Điều này thể hiện *thói quen xấu, là sự "bạo hành" đối với tiếng Việt,...* thậm chí cho đó là *biểu hiện của sự sa sút về nhân cách, có thể làm mất giá trị văn hóa Việt và cho rằng đây là tình trạng đáng báo động, cần lên án nếu không muốn mất gốc, muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và giữ gìn bản sắc văn hóa...*

Một số khác không bày tỏ thái độ tán đồng nhưng cũng không kịch liệt phản đối việc sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ. Họ cho rằng *chỉ cần không lạm dụng thì việc sử dụng ngôn ngữ*

giới trẻ cũng không ảnh hưởng gì nhiều, quan trọng là phải biết dùng đúng nơi, đúng lúc. Chẳng hạn, đối với giấy tờ hành chính, giao tiếp mang tính nghi thức, các bài kiểm tra,... thì tuyệt đối không được sử dụng các kí tự sáng tạo này vào. Họ cho rằng cái gì xã hội không chấp nhận thì sẽ bị đào thải, không nên nhìn 9X và ngôn ngữ của thế hệ 9X một cách phiến diện. Ngôn ngữ giới trẻ cũng chỉ là một dạng tiếng lóng, nó xuất hiện theo từng giai đoạn, nó tự xuất hiện và cũng sẽ tự mất đi theo quy luật của nó. Việc sử dụng ngôn ngữ này chưa hẳn là một điều đáng chê trách.

Trong bài viết này, bằng việc khảo sát thực trạng sử dụng ngôn ngữ giới trẻ, chúng tôi muốn đưa ra một cách nhìn nhận thỏa đáng về các hiện tượng bị coi là "phi chuẩn" dưới góc độ ngôn ngữ học xã hội. Điều này sẽ góp phần phát hiện và chỉ ra xu thế biến đổi của ngôn ngữ, bản chất bên trong của hệ thống ngôn ngữ, từ đó cung cấp cơ sở cho việc xây dựng các giải pháp điều tiết ngôn ngữ.

2. Thực trạng sử dụng tiếng Việt "phi chuẩn"

2.1. Hình thức sử dụng

Giới trẻ sáng tạo ra ngôn ngữ của riêng mình dựa trên những kết hợp chữ - số, âm, nghĩa, chêm xen,... hết sức đa dạng. Dưới đây, chúng tôi đưa ra một số dạng biểu hiện phổ biến trong cách sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ:

(1) Sử dụng những kết hợp kì lạ

Ví dụ: *Bật như con lật đật, Chảnh như con cá cảnh, Lạnh lùng như con thạch sùng, Ngốc như con ốc, Chuối cả nải, Đau sờ cau, Hê lô cô số vô,...*

(2) Sử dụng biến âm

Giới trẻ thường viết theo âm đọc, nhưng biến tướng một cách sai chính tả, không giống với ngôn ngữ phổ thông, cũng không giống với bất kì ngôn ngữ nào khác.

Ví dụ: *Dám -> zám, rồi -> roài/ rùi/ gòi, mà -> mừ, lắm -> lém, quen -> wen, không -> hok, yêu -> iêu, thích -> thik, buồn -> bùn,*

vậy -> dị, biết -> bít, về -> địa, trời ơi -> trùi ui, chiều -> chiu, mà -> mừ, chết -> chít,...

(3) Sử dụng tiếng Anh chen tiếng Việt

Đây là lỗi sử dụng ngôn ngữ nửa Tây nửa ta hay tiếng bồi trong giao tiếp. Hiện tượng "sính ngoại ngữ" này nhiều khi bị lạm dụng một cách vô tội vạ, gây phản cảm. Chúng ta thường xuyên bắt gặp các cách nói, như: "*book phòng*" (đặt phòng), "*thank you anh*" (cảm ơn anh), "*sorry anh, em forget mất*" (xin lỗi anh, em quên mất),... Thậm chí, cách chêm xen tiếng Anh này còn được sử dụng với mật độ cao, chẳng hạn: "*Tuần này tớ bận làm case study cho môn OE. Đang thi Micro muốn die luôn đây, chưa kể leader cứ nhắc nhở mãi về present cho môn bà giáo Nancy*".

Cách nói chêm xen này, dễ được chấp nhận hơn đối với những thuật ngữ khoa học, công nghệ thông tin (ví dụ: *email, folder,...*) vì chưa có thuật ngữ tương đương hay thuật ngữ tiếng Việt chưa thực sự phổ biến. Nhưng có những từ có thể tìm thấy từ tiếng Việt tương đương nhưng giới trẻ vẫn thường xuyên chêm xen từ ngữ nước ngoài vào.

(4) Sử dụng loại "chữ cái" từ các biểu tượng (symbol) hay các kí tự ASCII trong ứng dụng văn phòng Microsoft Word thay thế các bảng mẫu chữ cái truyền thống, chẳng hạn: A = Cl; B = β; C = (; D = J), ... Ví dụ: vCl... †°Cl] [†°Cl]\ "†Cl/v\ †]†"(có nghĩa: và... hoàn toàn "tạm tịt"; chú giải: V = v, A = Cl, H = †, O = °, N =]\, T = †, M = /v\, I = J).

(5) Sử dụng con số thay chữ

Giới trẻ có những thỏa thuận ngầm, quy ước chữ cái tiếng Việt sang con số: A = 1, B = 2, C = 3,... Ví dụ: 8 0? (có nghĩa: Chat không?)

(6) Viết tắt

Giới trẻ tận dụng tối đa các hình thức viết tắt. Thậm chí còn kết hợp giữa biến dạng, biến âm, chuyển đổi chữ sang số,... trước khi viết tắt. Nhìn chung, viết tắt là hình thức khá đa dạng mà giới trẻ thường xuyên sử dụng.

Ví dụ 1: Trong tiếng Việt, "tạm biệt", tương đương với "bye bye" trong tiếng Anh, nhưng

giới trẻ thường biến âm thành "bibi" hoặc "pipi", và khi viết tắt thì còn "bb" hay "pp".

Ví dụ 2: Chúng ta cũng bắt gặp hàng loạt các hình thức viết tắt như:

Xin chào = Hi -> 2!

Bạn = You -> U

Chúc ngủ ngon = Good night -> G9

Ví dụ 3:

- Em yêu anh, hẹn gặp lại, ngủ ngon nhé! = I love you, see you later, good night -> *Ilus, Sul, G9*.

- Hẹn gặp bạn tối nay = See you tonight -> *Cu 29*.

(7) Dùng nguyên cả một cụm từ hoặc một từ ghép hoặc một tên riêng của một người, một địa phương hoặc một nước, chỉ lấy ra một từ tố trong đó

Ví dụ: Thay vì nói "lâu", người ta nói "*Hà Văn Lâu*" (hay "*Hồng Lâu Mộng*"); thay vì nói "đông" (đúc), người ta nói "*Hà Đông*"; thay vì nói "xa", người ta nói "*Natasha*" (chỉ lấy âm cuối, "Sha", phát âm theo giọng miền Bắc là "xa"); thay vì nói "xinh" (xắn), người ta nói "*nhà vệ sinh*" (âm /s/ bị biến thành /x/); thay vì nói "tiện", người ta nói "*đê tiện*"; thay vì nói "cạn" (li), người ta nói "*Bắc Cạn*"; thay vì nói "can" (ngăn), người ta nói "*Lương Văn Can*"; và thay vì nói "chia" (tiền), người ta nói "*Campuchia*". Kết quả, ta thấy có một mẫu đối thoại lạ lùng như sau:

- "Đi gì mà *Hà Văn Lâu* thế?"

- "Ừ, tại đường *Hà Đông* quá!"

- "Từ đây đến đây có *Natasa* không?"

- "Không. À, mà hôm nay em trông hơi *nhà vệ sinh* đấy nhé!"

- "Khéo nịnh! Tí nữa, đi về, có *đê tiện*, mua giùm em tờ báo nhé!"

- "Ừ, mà thôi, bây giờ nhậu đi!"

- "Ừ, *Bắc Cạn* đi, các bạn ơi!"

- "Thôi, tôi *Lương Văn Can* đấy!"

- "Này, hết bao nhiêu đấy, để còn *Campuchia*?"

[<http://www.voatiengviet.com/content/hien-tuong-phan-ngon-ngu-o-vietnam/1507491.html>]

(8) Cố tình nói ngọng và viết sai chính tả

Ví dụ: Từ "như thế nào" sẽ được nói tắt là "*như nào*", rồi có người lại cố tình nói sai thành "*dur nào*".

Nhìn chung, ngôn ngữ giới trẻ chủ yếu thay đổi về mặt từ vựng (hình dạng chữ viết) và mặt ngữ âm (âm thanh của ngôn ngữ), còn ngữ nghĩa, ngữ pháp hầu như không thay đổi. Sự biến đổi này không chỉ diễn ra mạnh mẽ, trên diện rộng, mà còn biểu hiện rất đa dạng về hình thức.

(9) Sử dụng tiếng lóng

Ví dụ: *xoắn* (công kích), *bó tay.com* (chịu), *chuối/ chuối cả nải* (sến, dờ), *quẩy* (làm náo động lên), *vãi* (quá),...

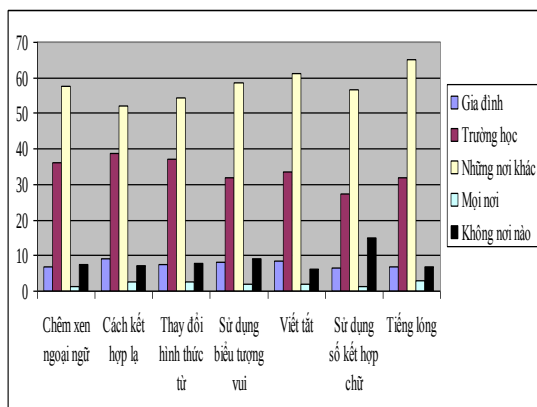
2.2. Phạm vi sử dụng

Sự phát triển *phổ biến* của ngôn ngữ giới trẻ biểu hiện ở chỗ nó không chỉ được sử dụng ở riêng một vùng miền nào, mà nó phổ biến từ thành thị tới nông thôn. Ngôn ngữ này xuất hiện lan tràn trên các trang điện tử, các diễn đàn,... thậm chí trên cả một số phương tiện giáo dục - truyền thông như báo chí, đặc biệt là những tờ báo hướng tới đối tượng chủ yếu là giới trẻ.

Để tìm hiểu phạm vi sử dụng ngôn ngữ giới trẻ, chúng tôi tiến hành khảo sát hơn 1000 phiếu với đối tượng là học sinh, sinh viên trong độ tuổi từ 17-26, kết quả thu được như sau:

Hình thức	Gia đình		Trường học		Những nơi khác		Mọi nơi		Không nơi nào		Tổng số phiếu hợp lệ
	Tần số	Tỉ lệ (%)	Tần số	Tỉ lệ (%)	Tần số	Tỉ lệ (%)	Tần số	Tỉ lệ (%)	Tần số	Tỉ lệ (%)	Tần số (100%)
Chém	62	6.7	336	36.3	533	57.6	12	1.3	69	7.5	925

xen ngoại ngữ											
Cách kết hợp lạ	85	9.1	359	38.6	485	52.2	24	2.6	66	7.1	929
Thay đổi hình thức từ	70	7.6	340	37.1	498	54.3	25	2.7	72	7.9	917
Sử dụng biểu tượng vui	73	8	290	31.8	535	58.7	16	1.8	84	9.2	911
Viết tắt	79	8.6	307	33.4	563	61.1	18	2	58	6.3	922
Sử dụng số kết hợp chữ	58	6.4	250	27.5	514	56.5	13	1.4	132	15	910
Tiếng lóng	64	7	287	32	588	65	27	3	62	6.8	910



Kết quả khảo sát về môi trường mà giới trẻ sử dụng ngôn ngữ của mình cho thấy dù là hình thức nào (chêm xen ngoại ngữ, sử dụng cách kết hợp lạ, thay đổi hình thức từ, viết tắt,...) thì đa phần giới trẻ đều ít khi sử dụng trong giao tiếp *gia đình, trường học*; phần lớn số người được hỏi đều trả lời rằng họ sử dụng trong các *môi trường khác*, số người trả lời *sử dụng ở mọi nơi* hay *không sử dụng ở nơi nào* chiếm tỉ lệ ít hơn hẳn. Chẳng hạn, đối với *Hình thức chêm xen ngoại ngữ*, 57,6% trả lời *sử dụng ở những nơi khác*; 36,3% *sử dụng ở*

trường học; 7,5% trả lời *không sử dụng ở nơi nào*; chỉ 6,7% *sử dụng trong gia đình* và 1,3% *sử dụng ở mọi nơi*.

Như vậy, có thể nói, đa phần những người trẻ sử dụng ngôn ngữ này đều ý thức rõ phạm vi sử dụng ngôn ngữ của mình, họ không sử dụng tùy tiện mọi nơi, ít sử dụng trong gia đình, có sử dụng nhiều hơn ở trường học (đó có thể là do trường học là nơi giới trẻ có thể tiếp xúc nhiều với bạn bè cùng trang lứa - những người có cách nói chuyện tương tự nên có thể dễ dàng hiểu nhau), còn phần lớn họ thường sử dụng trong các môi trường khác.

2.3. Đối tượng sử dụng

Khi được hỏi về đối tượng mà giới trẻ thường xuyên giao tiếp bằng ngôn ngữ riêng của mình, chúng tôi thu được kết quả sau:

Đối tượng	Tần số	Tỉ lệ (%)
Người ít tuổi hơn	317/ 1022	31
Bạn bè	836/ 1022	81.8
Anh/ chị	219/1022	21.5
Người lớn (ông, bà, bố, mẹ,...)	40/1022	3.9

Về đối tượng sử dụng, đa phần giới trẻ trả lời là họ chỉ sử dụng "ngôn ngữ tuổi teen" đó với bạn bè (81.8%), tiếp đến là sử dụng với người ít tuổi hơn và anh/ chị (khoảng 20 - 30%), ít người sử dụng với người lớn tuổi hơn - thuộc thế hệ trên mình (ông, bà, bố, mẹ) (3.9%).

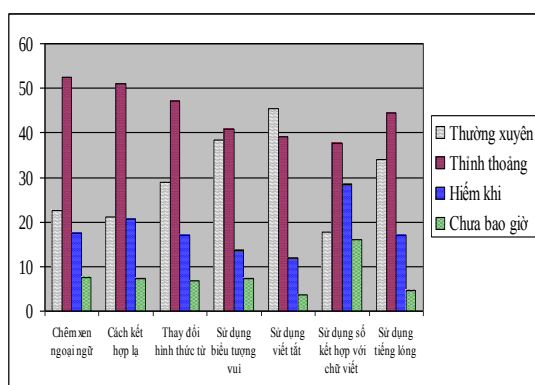
Nếu như ở câu hỏi trên về phạm vi giao tiếp, giới trẻ trả lời là họ có sử dụng ngôn ngữ riêng của mình trong phạm vi gia đình và trường học nhưng chưa cụ thể đối tượng được giao tiếp thì ở đây, qua câu hỏi này, chúng ta có thể thấy đa phần họ sử dụng với bạn bè, người ít tuổi hơn. Có thể thấy, nhìn chung,

giới trẻ không chỉ phân biệt về phạm vi giao tiếp mà còn về đối tượng giao tiếp: với người lớn tuổi hơn với người ít hơn và ngang bằng tuổi. Điều này phần nào phản ánh ý thức/ thái độ của giới trẻ trong sử dụng ngôn ngữ: thân mật, suồng sã với bạn bè; tôn trọng với người trên; và chỉ thường xuyên sử dụng với những người đồng nhóm tuổi (ít sử dụng với anh/ chị và nhóm ít tuổi hơn).

2.4. Mức độ sử dụng

Qua khảo sát về mức độ sử dụng, chúng tôi nhận thấy, tùy từng hình thức mà mức độ sử dụng của giới trẻ cũng khác nhau, cụ thể như sau:

STT	Hình thức	Mức độ sử dụng				Tổng số phiếu hợp lệ
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ	
1	Chêm xen ngoại ngữ	221 (22.5%)	518 (52.5%)	173 (17.5%)	74 (7.5%)	986 (100%)
2	Cách kết hợp lạ	212 (21.1%)	511 (50.9%)	208 (20.7%)	73 (7.3%)	1004 (100%)
3	Thay đổi hình thức từ	291 (29%)	474 (47.2%)	171 (17%)	68 (6.8%)	1004 (100%)
4	Sử dụng biểu tượng vui	383 (38.3%)	407 (40.7%)	137 (13.7%)	74 (7.4%)	1001 (100%)
5	Sử dụng viết tắt	453 (45.4%)	389 (39%)	119 (11.9%)	37 (3.7%)	998 (100%)
6	Sử dụng số kết hợp với chữ	179 (17.8%)	378 (37.6%)	286 (28.5%)	161 (16%)	1004 (100%)
7	Sử dụng tiếng lóng	340 (33.9%)	447 (44.5%)	170 (16.9%)	47 (4.7%)	1034 (100%)



Từ bảng biểu trên có thể thấy, nhìn chung, đối với hầu hết các hình thức, số người trẻ trả lời *thỉnh thoảng* họ mới sử dụng ngôn ngữ riêng của mình chiếm tỉ lệ cao (khoảng 40 - 50%), số người *thường xuyên* sử dụng chiếm tỉ

lệ thấp hơn (khoảng 20 - 40%), tiếp đến là những người cho rằng họ *hiếm khi sử dụng* (khoảng 10 - 20%) và chỉ có một số ít cho rằng họ *chưa bao giờ sử dụng* (khoảng 5 - 8%). Cụ thể hơn, đối với hình thức *chêm xen ngoại ngữ, sử dụng cách kết hợp lạ, thay đổi hình thức từ, sử dụng biểu tượng vui, sử dụng số kết hợp với chữ viết, sử dụng tiếng lóng*, số người trả lời *thỉnh thoảng* sử dụng cao hơn cả. Riêng *viết tắt*, số người chọn mức độ *thường xuyên* lớn hơn hẳn. Số người cho rằng hình thức *sử dụng số kết hợp với chữ viết* *hiếm khi* họ sử dụng chiếm tỉ lệ cao hơn các hình thức khác.

Như vậy, không riêng hình thức nào, phần lớn giới trẻ đều *thỉnh thoảng* mới sử dụng, số người sử dụng ở mức *thường xuyên* không

phải là đa số. Có thể, với mức độ sử dụng này, chúng ta không nên/ không cần thiết phải nâng nó lên thành hiện tượng *báo động, nguy cấp* mà cần *bình tĩnh* để nhìn nhận từng hình thức.

3. Tiếng Việt “phi chuẩn” dưới góc nhìn của ngôn ngữ học xã hội

3.1. Đi tìm lí do sử dụng tiếng Việt “phi chuẩn” của giới trẻ

Để tìm hiểu về nguyên nhân tại sao ở độ tuổi này giới trẻ lại hay sử dụng lối diễn đạt như vậy, chúng tôi đưa ra câu hỏi về lí do sử dụng “ngôn ngữ 9X”, lí do được lựa chọn nhiều nhất là *Tùy hứng, không có gì đặc biệt* (42.5%), tiếp đến là các lí do khác *Giảm thiểu số kí tự phải gõ* (41%), *Thể hiện cảm xúc, thay lời muốn nói* (38.1%), *Tạo sự mới lạ trong cách nói/ viết* (32.1%), các *Lí do khác* chiếm tỉ lệ không đáng kể (4.8%). Điều này được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Lí do sử dụng	Tần số	Tỉ lệ (%)
Tạo sự mới lạ trong cách nói/ viết	322/1002	32.1
Giảm thiểu số kí tự phải gõ	410/1002	41
Thể hiện cảm xúc, thay lời muốn nói	382/1002	38.1
Tùy hứng, không có gì đặc biệt	426/1002	42.5
Lí do khác	48/1002	4.8

Lí giải thêm về những lí do nói trên, chúng tôi đưa ra một số nhận định về nguyên nhân sử dụng như sau:

(1) Về mặt tâm lí, ở lứa tuổi này, giới trẻ thường *thích chứng tỏ bản thân*, muốn được khẳng định sự độc đáo cá nhân bằng những điều mới lạ. Ngoài việc thể hiện bằng cách ăn mặc, kiểu tóc, các trò giải trí,... thì ngôn ngữ cũng là một trong số những cách để giới trẻ khẳng định “đẳng cấp” và cá tính của mình. Một số em còn cho rằng đó là “bộ nhận diện thương hiệu” của “tuổi teen”. Đồng thời, nếu nói về *sự nhanh nhạy trong việc khám phá, nắm bắt cái mới* thì giới trẻ luôn là đối tượng đi đầu. Đa phần giới trẻ rất hứng thú với những công việc *sáng tạo, giàu trí tưởng*

tượng, thậm chí là phá cách. Các “thành ngữ sành điệu” kiểu như: *"Đau khổ như con hổ", "Ghét như con bọ chết", "Tào lao bí đao"...* cũng vì thế mà xuất hiện. Cũng ở giai đoạn này, do đặc điểm tâm sinh lí, giới trẻ cũng dễ bị cuốn theo trào lưu mới, nhất là những trào lưu mang đặc trưng phong cách lứa tuổi. Thông thường, việc theo trào lưu được giới trẻ xem là phù hợp, không lạc hậu hay dị biệt.

(2) Ngôn ngữ giới trẻ thể hiện được sự vui tươi, hồn nhiên, nhí nhảnh, sự sáng tạo,... với mục đích *tạo sự vui vẻ, gần gũi, thu hẹp khoảng cách trong giao tiếp*. Hơn nữa, với những kí tự sáng tạo này, giới trẻ có thể dễ dàng biểu lộ cảm xúc của mình. Trong nhiều trường hợp, nó làm giảm bớt sự nghiêm túc, khô khan, nhàm chán so với ngôn ngữ bình thường. Chẳng hạn, *"hem bit âu nè"* (không biết đâu nè), dễ khiến người ta hình dung đến một đứa con nít nhõng nhẽo, nũng nịu, dễ thương. Như vậy, ngoài thông tin thuần túy thì ngôn ngữ giới trẻ còn thể hiện rất rõ thái độ, cảm xúc của những đối tượng tham gia giao tiếp.

(3) Bằng việc sử dụng ngôn ngữ giới trẻ, có thể giảm bớt số lần đánh kí tự. Điều này giúp *tiết kiệm thời gian, công sức*. Có nghĩa là đối việc giao tiếp bằng kí tự, trong một tin nhắn đi có thể truyền tải được lượng thông tin nhiều nhất, nhanh nhất với số kí tự ít nhất nếu biết cách. Ví dụ: không = *ko*, *k*; biết = *bit*; tình yêu = *ty*; xin chào = *hi*, *2*; Good night to you = *G92U*; Bạn bao nhiêu tuổi, giới tính, ở đâu = *what is your age, sex, location?* = *ASL?*; những = *~*; khác = *#*, ... Do đó, thay vì sử dụng cách viết thông thường, giới trẻ thường lựa chọn cho mình cách viết tắt, cách thay thế các kí tự chuẩn bằng các kí tự gần giống. Tuy nhiên, việc sáng tạo ra các kí tự không phải bao giờ cũng giản tiện hơn, mà lại rất phức tạp đến mức người ngoài không thể hiểu nổi. Trong trường hợp này, mục đích *bảo mật* được đặt lên trước.

(4) Như có đề cập ở trên, ngôn ngữ mà giới trẻ sáng tạo ra là ngôn ngữ có tính bảo mật cao

với người lớn hoặc người không cùng nhóm. Giới trẻ coi đó là những "phát minh ngôn ngữ" giúp họ trao đổi, chia sẻ "nội bộ" với nhau mà người lớn khó có thể hiểu và kiểm soát được.

Chính vì những lí do trên mà "ngôn ngữ tuổi teen" được hình thành và phổ biến, nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân và thể hiện đặc trưng của lứa tuổi này. Nó cũng thể hiện sự thông minh, sáng tạo, trí tưởng tượng phong phú, nhanh nhạy, linh hoạt,... của giới trẻ hiện nay.

3.2. Một số giải pháp cho vấn đề sử dụng ngôn ngữ giới trẻ dưới góc nhìn của ngôn ngữ học xã hội

Trước thực trạng ngôn ngữ giới trẻ hiện nay, liệu có nên phủ nhận hết "những biến tấu" trong ngôn ngữ giới trẻ? Nếu không phủ nhận hết thì những hiện tượng nào có thể chấp nhận? Chấp nhận trong phạm vi nào và với đối tượng nào?

(1) Về phạm vi sử dụng (sử dụng ở đâu? với đối tượng nào?), cần phải xét đến tính quy thức - không quy thức, tính trang trọng - suồng sã,... để lựa chọn việc sử dụng ngôn ngữ cho phù hợp.

Đối với môi trường quy thức (trường học, công sở, tòa án,...) hay giao tiếp với người trên, ngôn ngữ đòi hỏi phải có sự chuẩn mực. Đó là phép ứng xử có văn hóa, thể hiện thái độ lịch sự của người nói. Như vậy, các đơn từ, văn bản,... hành chính; các bài thi, kiểm tra, giấy xin phép, bản kiểm điểm,... ở trường học đều không nên sử dụng ngôn ngữ mà giới trẻ đang dùng.

Với các sách báo, phim ảnh, cũng không nên lạm dụng ngôn ngữ giới trẻ. Mặc dù, trong chừng mực nào đó, cách viết/ cách nói đó gần gũi với giới trẻ, phản ánh đúng phong cách của giới trẻ hiện nay. Song, những hình thức ẩn phẩm này vốn là thứ chuyển tải cái hay, cái đẹp, nét văn hóa đến với đông đảo công chúng, không chỉ riêng giới trẻ, nên việc sử dụng ngôn từ cũng nên cân nhắc sao cho phù hợp. Việc lạm dụng, chạy theo thị hiếu của một số ít người, có thể làm cho cả một thế hệ

có những nhận thức lệch lạc, thậm chí có thể làm mất đi những giá trị nhân văn sâu sắc của tác phẩm [17].

Đối với môi trường không quy thức (giao tiếp sinh hoạt hàng ngày/ khẩu ngữ, tin nhắn điện thoại, mạng xã hội,...) hay nói chuyện với đối tượng là bạn bè, người ít tuổi hơn,... thì không cần phải đòi hỏi khắt khe về tính trang trọng hay chuẩn mực ngôn ngữ. Trong những trường hợp này, nên tôn trọng quyền tự do lựa chọn cách diễn đạt và thể hiện cá tính/ phong cách của mình. Thiết nghĩ, khi giới trẻ vẫn có thể sử dụng, có thể hiểu được thứ mà họ tạo ra, có nghĩa là ngôn ngữ vẫn đang thực hiện chức năng là phương tiện để giao tiếp. Với một môi trường khác, đối tượng khác, họ sẽ tự nhận thức để điều chỉnh ngôn ngữ. Ất hẳn, không ai lại cố diễn đạt điều mình muốn truyền đạt thông tin, chia sẻ tâm tư,... bằng thứ ngôn ngữ mà người khác không hiểu.

(2) Có thể nói, ngôn ngữ "tuổi teen" dễ ăn sâu vào lời ăn, tiếng nói, cách hành xử của giới trẻ, kể cả trong môi trường học đường. Đó là lí do vì sao nhiều người lo ngại và kịch liệt lên án cách sử dụng ngôn từ "biến dị" của giới trẻ. Song, nhìn nhận ở một mặt khác thì có những yếu tố có thể chấp nhận được (viết tắt để tiết kiệm kí tự, thể hiện cá tính,...), bởi đó là những sáng tạo hài hước với mục đích chính là vui thú, giải trí. Chẳng hạn, đối với các câu được tạo ra nhờ sự hiệp vần: *Chuẩn không cần chỉnh, Cướp trên giàn mướp, Nhục như con trùn trọc*... Nói như tác giả Phạm Văn Tình, *"giới trẻ đã sáng tạo ra các thành ngữ hiện đại dựa trên việc sử dụng chất liệu dân gian"*, nó không khác gì các câu đồng dao hay các câu cửa miệng mà chúng ta vẫn thường nói, như: *"Chim ri là di sáo sậu. Sáo sậu là cậu sáo đen. Sáo đen là em tu hú. Tu hú là chú bò cạp"* hay *"Mắt tí da là ba đồng sáu, mắt tí máu là sáu đồng tư"*,...[16].

Nhiều người lo ngại rằng, việc không cấm một cách triệt để ngôn ngữ giới trẻ hay vẫn cho chúng môi trường để tồn tại sẽ làm phương hại và ảnh hưởng ít nhiều khi sử dụng

trong những môi trường quy phạm. Minh chứng là hiện tượng học sinh sử dụng ngôn ngữ "tuổi teen" trong vở ghi, các bài kiểm tra, thi cử trên lớp. Thực tế, hiện tượng này là có, nhưng những thiết chế, quy định trong nhà trường sẽ là cách để giới trẻ hạn chế sử dụng chúng. Một học sinh sử dụng một cách lạm dụng ngôn ngữ giới trẻ trong bài thi có thể bị trừ điểm, bị điểm kém hay bị phê bình trước lớp. Từ những hình thức đó, những học sinh từng vi phạm có thể tự rút ra kinh nghiệm cho mình nếu không muốn tiếp tục chịu những hình phạt đó.

(3) Theo kết quả khảo sát, tùy môi trường, tùy đối tượng mà giới trẻ có sự điều chỉnh trong việc sử dụng ngôn ngữ. Bản thân ngôn ngữ giới trẻ không có đủ sức mạnh để thay đổi được hệ thống tiếng nói và chữ viết tiếng Việt hiện nay, hơn nữa chữ viết tiếng Việt tương đối ổn định nên cũng khó có thể có xảy ra những biến đổi lớn được. Do đó, nên bình tĩnh để nhìn nhận chúng, cũng không nên lấy ngôn ngữ cũ làm chuẩn để đánh giá ngôn ngữ giới trẻ là lệch chuẩn. Thời gian sẽ quyết định sự tồn tại của ngôn ngữ tuổi teen. Nói khác đi, ngôn ngữ này sẽ được sử dụng, và trải qua cơ chế sàng lọc và đào thải riêng của nó. Có những yếu tố sẽ đi vào xã hội một cách phổ biến, làm phong phú hơn tiếng Việt, song, cũng có những yếu tố sẽ được sử dụng thừa dần rồi mất đi. Như vậy, những yếu tố ngôn ngữ mới, ban đầu đôi khi chỉ là những câu cửa miệng, nhưng được cộng đồng thừa nhận thì chúng có thể được đưa vào từ điển hay sử dụng trong một số kiểu loại văn bản nhất định; còn những yếu tố chỉ sử dụng phổ biến trong một nhóm người, nhóm tuổi, nếu không được cả cộng đồng chấp nhận thì nó cũng không thể trở thành ngôn ngữ chính thức được. Đồng thời, cơ chế tự điều tiết của ngôn ngữ cũng sẽ giúp cho nó tự cân bằng, tự điều chỉnh, không "rối loạn" đến mức "báo động" như nhiều người vẫn nghĩ.

Hiểu được sự vận động trong nội tại của ngôn ngữ, chúng ta không nên và cũng không

thể cấm được việc sử dụng ngôn ngữ teen. Giới trẻ sẽ vẫn tiếp tục sử dụng nếu nó vẫn đảm bảo được mục đích giao tiếp và thỏa mãn nhu cầu khẳng định phong cách lứa tuổi. Việc chấp nhận và nhân rộng nó đến đâu là phụ thuộc vào ý thức xã hội. Chúng ta chỉ nên giáo dục để giới trẻ nhận thức được được vấn đề này và biết ứng xử có văn hóa. Nghĩa là giúp giới trẻ hiểu được việc sử dụng ngôn ngữ này trong trường hợp nào (đối tượng, hoàn cảnh, mục đích,...) thì được chấp nhận, còn trong những trường hợp nào thì không được chấp nhận. Qua đó, giới trẻ sẽ tự nhận thức được và thu hẹp ngôn ngữ của mình cho phù hợp với môi trường quy thức.

Như vậy, *"Áp lực của thói quen trong sử dụng ngôn ngữ là vô cùng lớn.... Chúng ta không nên tung hô nhanh chóng, cũng không phủ định nhanh chóng, mà phải bình tĩnh, tìm hiểu về hạt nhân giá trị và bản chất của nó một cách ôn hòa"* [Phạm Văn Tình,13]. Và bản chất ở đây là, ngôn ngữ luôn ở trạng thái động, các yếu tố hiện tại luôn không ngừng biến đổi hoặc tiềm ẩn sự biến đổi, làm xuất hiện các yếu tố mới. Giữa trạng thái *cân bằng* và *không cân bằng*, cân bằng là xu thế, *không cân bằng* chỉ là sự biến động (có thể lúc mạnh, lúc yếu hơn *cân bằng*) dưới tác động của bối cảnh ngôn ngữ - xã hội. Về tính biến đổi của hiện tượng ngôn ngữ, cần phải cân nhắc kỹ lưỡng để có cái nhìn khách quan, không nên phê phán một cách cứng nhắc các hiện tượng ngôn ngữ mới, và cho rằng mọi biến đổi đều là phi chuẩn. "Chuẩn hóa ngôn ngữ nói chung và chuẩn hóa tiếng Việt nói riêng [...] cần phải thuận theo tính tự nhiên của ngôn ngữ, thuận theo xu thế phát triển của xã hội" [Nguyễn Văn Khang 2003, tr.53].

4. Kết luận

Tóm lại, dưới góc độ của ngôn ngữ học xã hội, việc sáng tạo và sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ ngày nay là hiện tượng không lạ. Bởi ngôn ngữ không cố định mà luôn luôn biến đổi (sự mất đi và sự thu nạp các yếu tố), và ngôn ngữ của giới trẻ chính là biểu hiện của sự biến

đổi đó. Sự biến đổi nào cũng tiềm ẩn những yếu tố tích cực và tiêu cực của nó. Vì thế nên lắng nghe, bình tĩnh nhìn nhận tiếng nói của giới trẻ, không nên quy kết tất cả những cách nói "phá cách" của họ là biểu hiện của sự "thiếu chuẩn mực", "không nghiêm túc"... ảnh hưởng đến "sự trong sáng của tiếng Việt". Nói khác đi, chuẩn ngôn ngữ không có nghĩa là điều chỉnh để ngôn ngữ "nhất thành bất biến", mà hãy để chúng tự biến đổi và tự điều tiết. Không có ngôn ngữ nào là chuẩn ngay từ đầu và chuẩn "mãi mãi", bởi cái chuẩn của hôm nay có thể không còn chuẩn vào ngày mai hay cái không chuẩn của hôm nay có thể trở thành chuẩn của ngày mai. Cũng không phải mọi yếu tố ngôn ngữ mới xuất hiện đều lành mạnh và được chấp nhận rộng rãi. Xã hội sẽ sàng lọc và gạn lại những yếu tố phù hợp theo quy luật đào thải, chọn lọc tự nhiên. Còn việc dùng chúng như thế nào lại phụ thuộc vào nhận thức và ý thức của người sử dụng. Sử dụng đúng lúc, đúng nơi, đúng đối tượng thì sẽ đem lại giá trị tích cực và ngược lại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Allen, I. L (1998), *Slang: Sociology*, In J. Mey & R. Asher (eds), *Concise encyclopedia of pragmatics*, Amsterdam: Elsevier, 878-883.
2. Andersen, G and Anna-Brita Stenström (1996), *More trends in teenage talk*, <http://www.hf.uib.no/i/Engelsk/COLT/COLTinfo.html#CBR>.
3. Andersen, G (1997), *They like wanna see like how we talk and all that*, The use of like as a discourse marker in London teenage speech, In M. Ljung (ed), *Corpus-based studies in English*, Amsterdam: Rodopi, 37-48.
4. Andersen, G (1997), *Pragmatic markers in teenage and adult conversation*, University of Bergen
5. Andersson, G. & P. Trudgill (1990), *Bad language*, Oxford: Blackwell.
6. Anna-Brita Stenström, Gisle Andersen và Ingrid Kristine Hasund (2002), *Trends in teenage talk*, Corpus compilation, analysis and findings. *Studies in Corpus Linguistics*.
7. Anna-Brita Stenstrom, *From slang to slanguage: a description based on teenage talk*, <http://aggslanguage.wordpress.com/slang-to-slanguage/>.
8. Butler, J (1997), *Mind your slanguage: Kids reveal their new lingo*. In *The Mirror*, Friday July 18.
9. Catie Holdridge, *The slang debate*, <http://www.writing-skills.com/tag/teen-speak/>.
10. Eble, C (1996), *Slang and sociability: in-group language among college students*, The University of North Carolina Press.
11. *The bergen corpus of London teenage talk (COLT)*. <http://www.hd.uib.no/colt/>.
12. Graeme Paton (2008), *Standard English in decline among teenagers*, <http://www.telegraph.co.uk/education/3254407/Standard-English-in-decline-among-teenagers.html>.
13. Hồ Hương Giang (2012), *Giới trẻ phản biện "Sát thủ đầu mừng mủ"* <http://vietnamnet.vn/vn/van-hoa/66363/gioi-tre-phan-bien-sat-thu-dau-mung-mu.html>
14. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục.
15. Nguyễn Văn Khang (2003), *Kế hoạch hóa ngôn ngữ - Ngôn ngữ học xã hội vĩ mô*, Nxb KHXH.
16. Lê Trường (2012), *Thành ngữ tuổi teen có lệch chuẩn tiếng Việt?* <http://vemientay.vn/threads/%E2%80%9Cthanh-ngu-tuoi-teen%E2%80%9D-co-lech-chuan-tieng-viet.6310/>
17. Uyển Phan U.P, *Bạo hành tiếng Việt để câu khách* <http://vnca.cand.com.vn/News/PrintView.aspx?ID=57578>.
18. Vanessa Barford (2009), *Mind your slanguage* http://news.bbc.co.uk/2/hi/uk_news/magazine/8388545.stm.
19. Lê Vy (2012), *"Ngôn ngữ 'lại căng' của giới trẻ"* <http://vtc.vn/303-179653/gioi-tre/ngon-ngu-lai-cang-cua-gioi-tre.htm>.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-04-2014)